ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 180 /TB-UBND	*Kiến Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

THÔNG BÁO
Công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính tháng 04 năm 2026

Thực hiện Quyết định số 5049/QĐ-UBND, ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Bộ tiêu chí, Bảng thang điểm và quy trình xét công nhận "Chính quyền thân thiện" cấp xã trên địa bàn thành phố;

Uỷ ban nhân dân dân xã thông báo công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính tháng 04/2026 tại Uỷ ban nhân dân xã Kiến Minh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 852

- Số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ: 831
- Số hồ sơ kỳ trước chuyển qua: 21
- Số lượng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: 852/852 đạt 100%

2. Số hồ sơ đã giải quyết: 830

- Số hồ sơ giải quyết đúng hạn: 830
- Số hồ sơ giải quyết quá hạn: 0
- Số hồ sơ từ chối không giải quyết: 01
- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn: 829/829 đạt 100%

3. Số hồ sơ đang giải quyết: 22

- Số hồ sơ đang giải quyết trong hạn: 22
- Số hồ sơ đang giải quyết quá hạn: 0

(có biểu tổng hợp kèm theo)

II. KẾT QUẢ BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Uỷ ban nhân dân xã Kiến Minh xếp thứ 75/114 xã, phường, đặc khu (đạt 95,69/100) về Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ), điểm cụ thể từng tiêu chí:

- Tiến độ giải quyết: 19.99/20 điểm xếp thứ 9/114 xã, phường, đặc khu
- Dịch vụ công trực tuyến: 10/12 điểm xếp thứ 75/114 xã, phường, đặc khu
- Thanh toán trực tuyến: 10/10 điểm xếp thứ 75/114 xã, phường, đặc khu

- Số hoá hồ sơ: 21.7/22 điểm xếp thứ 86/114 xã, phường, đặc khu

- Công khai minh bạch: 18/18 điểm xếp thứ 75/114 xã, phường, đặc khu

- Công khai minh bạch: 18/18 điểm xếp thứ 75/114 xã, phường, đặc khu

UBND xã Kiến Minh thông báo và niêm yết công khai trên Cổng thông tin điện tử của xã để các tổ chức và Nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:
- TTĐU, TTHĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Trung tâm DVSNC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ KIẾN MINH T.P HẢI PHÒNG

Hoàng Thị Thuý Hà

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÁNG 4/2026

(Gửi kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /3/2026 của Uỷ ban nhân dân xã Kiến Minh)

STT	Thủ tục hành chính	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết						Số lượng hồ sơ đang giải quyết			
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Từ chối, không giải quyết	Hồ sơ rút	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	Yêu cầu bổ sung
			Trực tuyến	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính											
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)+(16)	(14)	(15)	(16)
1	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	68	68	0	0	68	68	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Thủ tục đăng ký khai sinh	16	16	0	0	16	16	0	0	0	0	0	0	0	0

4	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	12	12	0	0	12	12	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	9	9	0	0	9	9	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	46	25	0	21	24	23	0	0	1	0	22	22	0	0
8	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	6	6	0	0	6	0	0	0	0	6	0	0	0	0
9	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0

10	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	17	17	0	0	17	17	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Thủ tục đăng ký kết hôn	12	12	0	0	12	12	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Đăng ký lại khai tử	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	358	358	0	0	358	358	0	0	0	0	0	0	0	0

16	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	53	53	0	0	53	53	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	22	22	0	0	22	22	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	20	20	0	0	20	20	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	26	26	0	0	26	26	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	24	24	0	0	24	24	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0

	trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất														
23	Xác nhận thông tin hộ tịch	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Thủ tục đăng ký khai tử	3	3	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	2	2	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Đăng ký kinh doanh	69	69	0	0	69	69	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Quản lý hội	5	5	0	0	5	5	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Hộ tịch	51	51	0	0	51	51	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Bảo trợ xã hội	23	23	0	0	23	23	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		**852**	**831**	**0**	**21**	**830**	**823**	**0**	**0**	**1**	**6**	**22**	**22**	**0**	**0**